

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
CHI NHÁNH TỈNH LẠNG SƠN

Số: 339/LAS-TH,NS&KSNB
V/v chính sách mới của Trung Quốc
liên quan đến việc quản lý tài khoản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 12 tháng 4 năm 2023

Kính gửi: Các Chi nhánh Ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Ngày 05/4/2023, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ban hành văn bản số 2389/NHNN-TT thông tin một số chính sách mới về quản lý, điều tra thông tin khách hàng liên quan đến hoạt động thanh toán, chuyển tiền, kiều hối, đổi tiền, các giao dịch gửi, rút tiền mặt... của tổ chức, cá nhân Việt Nam với tổ chức, cá nhân Trung Quốc, cụ thể như sau:

1. Từ ngày 01/7/2020, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc ban hành chương trình thí điểm tại tỉnh Hà Bắc, buộc khách hàng cá nhân và doanh nghiệp phải báo cáo trước khi gửi hoặc rút tiền mặt số lượng lớn, nhằm mục tiêu giám sát nhu cầu tiền mặt lớn bất thường để ngăn chặn rủi ro. Theo đó, người dân trên địa bàn tỉnh Hà Bắc khi thực hiện giao dịch trên 100.000 NDT (đối với cá nhân) và 500.000 NDT (đối với doanh nghiệp) sẽ phải cung cấp thông tin về nguồn tiền gửi hoặc mục đích rút tiền cho các ngân hàng trước một ngày (thông qua việc nộp đơn thông báo cho ngân hàng); sau khi được sự chấp thuận của chi nhánh ngân hàng nơi nộp đơn, giao dịch mới được thực hiện. Đến ngày 01/10/2020, chương trình thí điểm này được mở rộng sang tỉnh Chiết Giang và Thâm Quyến, chủ yếu nhắm vào các giao dịch được thực hiện bằng tiền mặt thông qua các thiết bị rút tiền được thực hiện nhanh chóng mà không có sự giám sát chặt chẽ. Thông qua kiểm soát nhu cầu rút tiền mặt, đặc biệt là các khoản tiền giá trị lớn giúp đảm bảo an toàn thanh khoản cho hệ thống ngân hàng và kinh tế của Trung Quốc, đồng thời giúp hạn chế các hành vi bất hợp pháp như rửa tiền, trốn thuế và các hành vi phạm tội có liên quan đến mô hình nghiệp vụ và các sản phẩm tài chính mới.

2. Ngày 29/10/2021, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc cùng với Ủy ban quản lý, giám sát ngân hàng, bảo hiểm Trung Quốc và Ủy ban quản lý giám sát ngân hàng, bảo hiểm Trung Quốc đã ban hành Chỉ thị số 01/2022 quy định Biện pháp Quản lý điều tra khách hàng, lưu trữ thông tin nhân thân và lịch sử giao dịch đối với khách hàng của tổ chức tín dụng (có hiệu lực từ ngày 01/3/2022). Biện pháp quản lý điều tra khách hàng này được xây dựng để phù hợp với quy định của “Luật chống rửa tiền nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa” và “Luật chống chủ nghĩa khủng bố nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa”, được áp dụng đối với các tổ chức tín dụng được thành lập theo quy định pháp luật trên lãnh thổ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Biện pháp quản lý khách hàng gồm 5 Chương, 52 Điều hướng dẫn

cụ thể đối với các tổ chức tài chính, ngân hàng về việc điều tra, xác minh thông tin khách hàng, quản lý lưu giữ thông tin nhân thân và lịch sử giao dịch của khách hàng. Trong đó có các nội dung sau:

(1) Tổ chức tín dụng không được cung cấp dịch vụ hoặc thực hiện giao dịch đối với khách hàng không rõ danh tính, không được mở tài khoản ẩn danh hoặc tài khoản giả danh cho khách hàng, không được mở tài khoản cho khách hàng mạo danh người khác (Điều 8).

(2) Tổ chức tín dụng phát triển, ngân hàng chính sách, ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã nông thôn, hợp tác xã tín dụng nông thôn, ngân hàng cấp thị trấn và tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển đổi ngoại tệ cần thực hiện điều tra khách hàng, đăng ký thông tin cơ bản để điều tra khách hàng và lưu giữ bản sao hoặc bản chụp giấy chứng minh nhân dân còn giá trị sử dụng hoặc các giấy chứng nhận nhân thân khác khi xử lý các nghiệp vụ: (i) Thiết lập quan hệ với khách hàng dưới hình thức mở tài khoản hoặc ký kết thỏa thuận; (ii) Cung cấp dịch vụ mang tính chất một lần và giá trị mỗi giao dịch từ 50.000 NDT trở lên hoặc ngoại tệ tương đương 10.000 USD trở lên như dịch vụ chuyển tiền, đổi tiền, chiết khấu chứng từ có giá, mua bán kim loại quý, mua bán các sản phẩm tài chính khác cho những khách hàng không có tài khoản tại tổ chức tín dụng (Điều 9).

(3) Ngân hàng thương mại, Ngân hàng hợp tác nông thôn, Hợp tác xã tín dụng nông thôn, Ngân hàng cấp thị trấn khi thực hiện giao dịch gửi/rút tiền mặt cho khách hàng là cá nhân có số dư từ 50.000 Nhân dân tệ trở lên hoặc ngoại tệ tương đương từ 10.000 đô la Mỹ trở lên phải điều tra và xác minh nhân thân khách hàng, làm rõ và làm thủ tục đăng ký nguồn gốc và mục đích sử dụng của khoản tiền (Điều 10).

(4) Tổ chức tín dụng nhận kiều hối từ nước ngoài chuyển về nếu phát hiện thiếu thông tin về họ tên, tên gọi, số tài khoản, địa chỉ của người chuyển tiền thì phải yêu cầu tổ chức chuyển tiền ở nước ngoài bổ sung. Nếu người chuyển tiền chưa có tài khoản tại tổ chức nước ngoài thực hiện giao dịch chuyển tiền, tổ chức tín dụng trong nước tiếp nhận khoản chuyển tiền không thể đăng ký thông tin tài khoản của người chuyển tiền, thì tổ chức đó có thể đăng ký các thông tin liên quan khác để đảm bảo việc theo dõi và xác minh giao dịch chuyển tiền (Điều 36).

(5) Về thông tin điều tra đối với khách hàng: (i) Đối với khách hàng cá nhân, bao gồm: tên, giới tính, quốc tịch, nghề nghiệp, địa chỉ cư trú hoặc địa chỉ cơ quan, phương thức liên lạc, loại, số hiệu và thời hạn hiệu lực của căn cước công dân hoặc hồ sơ chứng minh nhân thân khác. (ii) Đối với pháp nhân, tổ chức phi pháp nhân và hộ kinh doanh cá thể, bao gồm: tên, trụ sở, phạm vi kinh doanh, tên gọi, số hiệu và thời hạn hiệu lực của giấy phép, giấy chứng nhận hoặc văn bản

chứng minh việc khách hàng được thành lập hợp pháp hoặc được phép thực hiện các hoạt động kinh doanh theo quy định pháp luật; tên, căn cước công dân hoặc tài liệu chứng minh nhân thân khác của người đại diện theo pháp luật hoặc người phụ trách và nhân viên được ủy quyền giao dịch với TCTD; tên, 3 địa chỉ, chủng loại, số hiệu và thời hạn hiệu lực của tài liệu chứng minh nhân thân của tất cả người thụ hưởng (Điều 50).

(6) Về thời gian thực hiện, đối với khách hàng mà TCTD đã thiết lập quan hệ nghiệp vụ hoặc thực hiện giao dịch trước khi Biện pháp này có hiệu lực và chưa đáp ứng các yêu cầu theo quy định tại Biện pháp này, kể từ khi Biện pháp này có hiệu lực, trong vòng 01 năm, tổ chức tín dụng phải hoàn thành việc điều tra thông tin khách hàng có rủi ro cao và trong vòng 02 năm, phải hoàn thành việc điều tra thông tin đối với tất cả các khách hàng còn lại (Điều 51).

(Toàn văn nội dung Chỉ thị 01/2022 đính kèm)

Để đảm bảo các hoạt động thanh toán, chuyển tiền, kiều hối, đổi tiền, các giao dịch gửi, rút tiền mặt... của tổ chức, cá nhân Việt Nam với tổ chức, cá nhân Trung Quốc được thực hiện thông suốt và đúng quy định, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Lạng Sơn đề nghị các chi nhánh Ngân hàng thương mại trên địa bàn chủ động nghiên cứu các chính sách, quy định nêu trên, đồng thời thông tin đến các tổ chức, cá nhân có liên quan biết để đảm bảo đúng quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Edoc;
- Website Chi nhánh;
- Lưu: VT, TH.ĐPLOAN.

Đính kèm:

- Chỉ thị 01/2022.

GIÁM ĐỐC



Trương Thu Hòa

Chỉ thị số 1/2022 của NHND Trung Quốc, Ủy ban quản lý giám sát ngân hàng, bảo hiểm Trung Quốc, Ủy ban quản lý giám sát chứng khoán Trung Quốc

Biện pháp Quản lý điều tra khách hàng, lưu giữ thông tin nhân thân và lịch sử giao dịch của khách hàng của các tổ chức tín dụng đã được Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc thông qua tại Hội nghị công tác lần thứ 10 ngày 29/10/2021 và cùng với Ủy ban quản lý giám sát ngân hàng, bảo hiểm Trung Quốc và Ủy ban Quản lý giám sát chứng khoán Trung Quốc thẩm định và nhất trí ban hành, có hiệu lực từ 1/3/2022.

Chương 1. Quy định chung

Điều 1. Để ngăn chặn và hạn chế các hoạt động rửa tiền và tài trợ khủng bố, quy định việc điều tra khách hàng, lưu giữ thông tin nhân thân khách hàng và lịch sử giao dịch của khách hàng của các tổ chức tín dụng, duy trì an ninh quốc gia và trật tự tài chính, căn cứ quy định tại các luật và quy định hành chính như "Luật chống rửa tiền của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa" và "Luật chống chủ nghĩa khủng bố của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa" ban hành biện pháp này.

Điều 2. Biện pháp này áp dụng đối với các tổ chức tín dụng được thành lập theo quy định của pháp luật trên lãnh thổ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa bao gồm: (1) Tổ chức tín dụng phát triển, ngân hàng chính sách, ngân hàng cấp thị trấn, ngân hàng hợp tác xã nông thôn, hợp tác xã tín dụng nông thôn, ngân hàng cấp tín dụng; (2) Công ty chứng khoán, công ty giao dịch hợp đồng tương lai, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; (3) công ty bảo hiểm, công ty quản lý tài sản bảo hiểm; (4) công ty tín thác, công ty quản lý tài sản tài chính, công ty tài chính tập đoàn, công ty cho thuê tài chính, công ty tài chính ô tô, công ty tài chính tiêu dùng, công ty kinh doanh tiền tệ, công ty cung cấp tín dụng, công ty quản lý tài sản (5) Các tổ chức khác thực hiện nghiệp vụ tài chính khác do Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc xác định và công bố. Các tổ chức thanh toán phi ngân hàng, tổ chức thanh toán bù trừ thẻ ngân hàng, trung tâm thanh toán bù trừ và các tổ chức kinh doanh chuyển đổi ngoại tệ, kinh doanh chứng chỉ quỹ, đại lý bảo hiểm chuyên nghiệp và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm thực hiện nghĩa vụ về điều tra danh khách hàng, lưu giữ thông tin nhân thân khách hàng và lịch sử giao dịch của khách hàng áp dụng theo quy định đối với tổ chức tín dụng của Biện pháp này.

Điều 3. Các tổ chức tín dụng có trách nhiệm tuân thủ nguyên tắc "Hiểu rõ khách hàng", xác định và xác minh thông tin nhân thân của khách hàng và tất cả các người thụ hưởng liên quan, thực hiện các biện pháp điều tra thích hợp đối với khách hàng, các mối quan hệ kinh doanh hoặc các giao dịch có rủi ro về rửa tiền hoặc tài trợ khủng bố.

Các tổ chức tín dụng phải thực hiện các biện pháp thẩm tra liên tục đối với khách hàng trong suốt quá trình còn giao dịch với khách hàng. Trong trường hợp có nguy cơ cao về rửa tiền hoặc tài trợ khủng bố, các tổ chức tín dụng cần thực hiện các biện pháp thẩm tra tăng cường tương ứng. Trường hợp cần thiết, tổ chức tín dụng cần phải từ chối thiết lập quan hệ nghiệp vụ hoặc giao dịch, hoặc chấm dứt quan hệ nghiệp vụ đã thiết lập.

Điều 4. Các tổ chức tín dụng phải lưu giữ thông tin nhân thân và lịch sử giao dịch của khách hàng theo nguyên tắc an toàn, chính xác, đầy đủ và bảo mật, đồng thời đảm bảo việc kiểm tra lại thông tin đầy đủ của từng giao dịch với mục đích có thể

cung cấp thông tin cần thiết phục vụ việc thẩm tra nhân thân khách hàng, phân tích giao dịch, điều tra giao dịch đáng ngờ và điều tra các trường hợp rửa tiền và tài trợ khủng bố.

Điều 5. Các tổ chức tín dụng căn cứ theo Biện pháp này và các luật, quy định về chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố, kết hợp với việc cân nhắc mức độ rủi ro về rửa tiền và tài trợ khủng bố từng tổ chức tín dụng gặp phải để xây dựng cơ chế kiểm soát nội bộ toàn diện về điều tra khách hàng, lưu giữ thông tin nhân thân và lịch sử giao dịch của khách hàng; định kỳ rà soát, đánh giá mức độ toàn diện, hiệu quả nhằm kịp thời sửa đổi và hoàn thiện các cơ chế liên quan. Tổ chức tín dụng phải xây dựng quy trình nghiệp vụ và quy định về cách thức xử lý nghiệp vụ nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả cơ chế điều tra khách hàng, lưu giữ thông tin nhân thân và lịch sử giao dịch của khách hàng.

Điều 6. Các tổ chức tín dụng phải thực hiện thống nhất các quy định, cơ chế về điều tra khách hàng, lưu giữ thông tin nhân thân và lịch sử giao dịch của khách hàng từ Hội sở chính trở xuống; xây dựng cơ chế và trình tự chia sẻ thông tin về chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố để đảm bảo thực hiện hiệu quả công tác quản lý rủi ro về điều tra khách hàng, lưu giữ thông tin nhân thân và lịch sử giao dịch của khách hàng. Tổ chức tín dụng phải quản lý và giám sát công tác điều tra khách hàng, lưu giữ thông tin nhân thân và lịch sử giao dịch của khách hàng tại các chi nhánh cấp dưới. Tổ chức tín dụng cũng phải yêu cầu chi nhánh, công ty con ở nước ngoài tuân thủ các quy định của Biện pháp này trong phạm vi cho phép của quy định pháp luật của nước sở tại. Nếu chi nhánh, công ty con ở nước ngoài của ngân hàng đặt tại các nước có quy định về điều tra khách hàng, lưu giữ thông tin nhân thân và lịch sử giao dịch của khách hàng nghiêm ngặt hơn thì thực hiện tuân thủ theo quy định của nước sở tại. Trường hợp quy định của Biện pháp này nghiêm ngặt hơn quy định liên quan của quốc gia/vùng lãnh thổ mà chi nhánh, công ty con ở nước ngoài của ngân hàng hoạt động, nhưng pháp luật của quốc gia/vùng lãnh thổ đó không cho phép/hạn chế chi nhánh, công ty con ở nước ngoài của ngân hàng thực quy định của Biện pháp này thì tổ chức tín dụng phải thực hiện các biện pháp thích hợp để đối phó với rủi ro rửa tiền và tài trợ khủng bố, đồng thời báo cáo với Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc.

Chương 2. Điều tra khách hàng

Mục 1. Quy định chung

Điều 7. Tổ chức tín dụng thiết lập quan hệ nghiệp vụ với khách hàng khi thực hiện một giao dịch và nghiệp vụ với số tiền lớn hơn hạn mức quy định và có nghi ngờ về khách hàng và giao dịch của khách hàng có liên quan đến hoạt động rửa tiền hoặc tài trợ khủng bố, hoặc nghi ngờ về tính xác thực, tính hợp lệ hoặc tính đầy đủ về thông tin nhân thân của khách hàng đã lưu giữ trước đó, thì cần các biện pháp điều tra khách hàng dưới đây:

(1) Điều tra khách hàng và đối chiếu xác minh thông tin điều tra khách hàng thông qua các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin có nguồn gốc đáng tin cậy và độc lập;

(2) Hiểu rõ mục đích và tính chất mối quan hệ và giao dịch mà khách hàng đề nghị tổ chức tín dụng thiết lập, đồng thời thu thập các thông tin liên quan căn cứ theo mức độ rủi ro của giao dịch;

(3) Đối với các trường hợp có rủi ro cao về rửa tiền hoặc tài trợ khủng bố, phải làm rõ nguồn gốc và mục đích sử dụng khoản tiền của khách hàng, đồng thời thực hiện các biện pháp thẩm định nghiêm ngặt hơn theo mức độ rủi ro;

(4) Trong thời gian tồn tại mối quan hệ giữa tổ chức tín dụng và khách hàng, cần thực hiện các biện pháp thẩm định liên tục đối với khách hàng, kiểm tra tình hình của khách hàng và các giao dịch của họ để đảm bảo các dịch vụ và giao dịch mà tổ chức tín dụng cung cấp cho khách hàng phù hợp với đánh giá của tổ chức tín dụng về nhân thân, nhu cầu, mức độ rủi ro, nguồn gốc và mục đích sử dụng tiền của khách hàng;

(5) Đối với khách hàng là pháp nhân hoặc tổ chức không phải là pháp nhân, tổ chức tín dụng cần xác định và thực hiện các biện pháp hợp lý để xác minh danh sách người thụ hưởng của khách hàng. Tổ chức tín dụng cần căn cứ mức độ rủi ro để quyết định mức độ áp dụng các biện pháp và phương thức điều tra khách hàng cụ thể, không nên thực hiện các biện pháp điều tra khách hàng không phù hợp với mức độ rủi ro của khách hàng đó, cân đối giữa việc phòng ngừa rủi ro và tối ưu hóa dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Điều 8. Tổ chức tín dụng không được cung cấp dịch vụ hoặc thực hiện giao dịch với khách hàng không rõ danh tính, không được mở tài khoản ẩn danh hoặc tài khoản giả danh cho khách hàng, không được mở tài khoản cho khách hàng mạo danh người khác

Điều 9. Tổ chức tín dụng phát triển, ngân hàng chính sách, ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã nông thôn, hợp tác xã tín dụng nông thôn, ngân hàng cấp thị trấn và tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển đổi ngoại tệ cần thực hiện điều tra khách hàng, đăng ký thông tin cơ bản để điều tra khách hàng và lưu giữ bản sao hoặc bản chụp giấy chứng minh nhân thân còn giá trị sử dụng hoặc các giấy tờ chứng nhận nhân thân khác khi xử lý các nghiệp vụ dưới đây:

(1) Thiết lập quan hệ với khách hàng dưới hình thức mở tài khoản hoặc ký kết thỏa thuận;

(2) Cung cấp dịch vụ mang tính chất 1 lần và giá trị mỗi giao dịch từ 50.000 NDT trở lên hoặc ngoại tệ tương đương 10.000 đô la Mỹ trở lên như dịch vụ chuyển tiền, đổi tiền, chiết khấu chứng từ có giá, mua bán kim loại quý, mua bán các sản phẩm tài chính khác cho những khách hàng không có tài khoản tại tổ chức tín dụng.

Điều 10. Ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã nông thôn, hợp tác xã tín dụng nông thôn, ngân hàng cấp thị trấn khi thực hiện giao dịch gửi/rút tiền mặt cho khách hàng là thẻ nhân có số dư từ 50.000 nhân dân tệ trở lên hoặc ngoại tệ tương đương 10.000 đô la Mỹ/01 giao dịch cần thực hiện điều tra và xác minh nhân thân khách hàng, làm rõ và làm thủ tục đăng ký nguồn gốc và mục đích sử dụng của khoản tiền.

Điều 11. Khi cung cấp dịch vụ két an toàn, tổ chức tín dụng phải nắm rõ người thực tế sử dụng két an toàn và đăng ký tên, phương thức liên lạc, chủng loại, số hiệu và thời hạn hiệu lực của căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân thân hợp lệ khác của người dùng thực tế, và lưu giữ bản sao hoặc bản chụp căn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân hợp lệ khác của người sử dụng thực tế két an toàn.

Điều 12. Công ty chứng khoán, công ty kinh doanh hợp đồng tương lai, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các tổ chức kinh doanh chứng chỉ quỹ phải thực hiện điều tra khách hàng và đăng ký thông tin cơ bản của khách hàng, lưu giữ bản sao hoặc bản chụp giấy chứng minh nhân thân còn giá trị sử dụng hoặc các giấy tờ chứng nhận nhân thân khác khi thực hiện các nghiệp vụ dưới đây:

- (1) Nghiệp vụ môi giới;
- (2) Nghiệp vụ quản lý tài sản;
- (3) Bán các sản phẩm tài chính cho khách hàng không có tài khoản tại công ty với giá trị giao dịch từ 50.000 NDT trở lên hoặc ngoại tệ tương đương 10.000 USD trở lên;
- (4) Thực hiện các giao dịch tín dụng như cho vay mua chứng khoán, cầm cố cổ phiếu, ký kết hợp đồng mua lại;
- (5) Các nghiệp vụ OTC như giao dịch phái sinh;
- (6) Bảo lãnh và tài trợ phát hành, tư vấn tài chính cho hoạt động mua bán và sáp nhập các công ty niêm yết, ủy thác quản lý trái phiếu doanh nghiệp, bảo lãnh công ty đại chúng chưa niêm yết, chứng khoán hóa tài sản;
- (7) Các nghiệp vụ chứng khoán khác phải thực hiện điều tra thông tin khách hàng theo quy định của Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc và Ủy ban Quản lý, giám sát Chứng khoán Trung Quốc.

Điều 13. Công ty bảo hiểm khi ký kết hợp đồng bảo hiểm nhân thọ hoặc hợp đồng bảo hiểm có tính chất đầu tư phải thực hiện điều tra thông tin khách hàng, xác nhận quan hệ giữa người mua bảo hiểm và người được bảo hiểm, thực hiện đăng ký thông tin nhân thân cơ bản của người mua bảo hiểm và lưu giữ bản sao hoặc bản chụp cản cước công dân hoặc giấy tờ chứng minh nhân thân hợp lệ khác của người mua bảo hiểm; và xác minh nhân thân của người mua bảo hiểm và người thụ hưởng, đăng ký tên, phương thức liên lạc, chủng loại, số hiệu và thời hạn hiệu lực của cản cước công dân hoặc giấy tờ chứng minh nhân thân hợp pháp của người được bảo hiểm và người thụ hưởng, và lưu giữ bản sao hoặc bản chụp cản cước công dân hoặc giấy tờ chứng minh nhân thân hợp pháp của người được bảo hiểm và người thụ hưởng. Trường hợp các hợp đồng bảo hiểm không chỉ định người thụ hưởng cụ thể mà chỉ định người thụ hưởng thông qua việc mô tả điều kiện, trình tự pháp lý hoặc các phương thức khác, khi xác định người thụ hưởng hoặc khi bồi thường hoặc chi trả tiền bảo hiểm, công ty bảo hiểm phải làm rõ và xác minh đúng đối tượng hưởng lợi. Đối với hợp đồng bảo hiểm tài sản và hợp đồng bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn có giá trị trên 50.000 NDT hoặc ngoại tệ tương đương 10.000 đô la Mỹ trở lên, khi ký kết hợp đồng bảo hiểm với khách hàng, công ty bảo hiểm phải xác minh nhân thân của người mua bảo hiểm và người được bảo hiểm, đăng ký tên, phương thức liên lạc, chủng loại, số hiệu và thời hạn hiệu lực của cản cước công dân hoặc giấy tờ chứng minh nhân thân hợp pháp của người mua bảo hiểm, người được bảo hiểm và người thụ hưởng và lưu giữ bản sao hoặc bản chụp cản cước công dân hoặc giấy tờ chứng minh nhân thân hợp pháp của người mua bảo hiểm.

Điều 14. Khi khách hàng xin hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm, cắt giảm mức đóng bảo hiểm hoặc vay tiền bằng bảo hiểm nhân thọ, nếu phí bảo hiểm được hoàn lại hoặc giá trị khoản tín dụng từ 10.000 NDT hoặc ngoại tệ tương đương 1.000 đô la Mỹ trở lên, công ty bảo hiểm phải yêu cầu khách hàng xuất trình hợp đồng bảo hiểm hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm, xác minh danh tính của khách hàng, đăng ký nguyên nhân hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm, giảm mức đóng bảo hiểm hoặc vay tiền bằng bảo hiểm nhân thọ và thực hiện hoàn trả phí bảo hiểm hoặc chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của người mua bảo hiểm. Trường hợp đặc biệt không thể hoàn trả hoặc chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của người mua bảo hiểm, công ty bảo hiểm phải nêu rõ lý do và được sự phê chuẩn của quản lý cấp cao.

Điều 15. Đối với hợp đồng bảo hiểm nhân thọ và hợp đồng bảo hiểm có tính chất đầu tư khác, khi bồi thường hoặc chi trả tiền bảo hiểm, công ty bảo hiểm phải xác

minh nhân thân của người được bảo hiểm và người thụ hưởng, lưu giữ bản sao hoặc bản chụp cẩn cước công dân hoặc giấy tờ tùy thân hợp pháp khác của người thụ hưởng.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm tài sản, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn, khi người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng đề nghị công ty bảo hiểm chi trả bảo hiểm, nếu số tiền chi trả lớn hơn 50.000 NDT hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương 10.000 USD trở lên, công ty bảo hiểm phải xác định và xác minh nhân thân của người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng, đồng thời đăng ký họ tên, tên gọi, phương thức liên lạc, cẩn cước công dân còn hiệu lực hoặc chủng loại, số hiệu và thời hạn hiệu lực của tài liệu chứng minh nhân thân khác của người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng, đồng thời lưu trữ bản sao, bản chụp cẩn cước công dân hợp lệ hoặc tài liệu chứng minh nhân thân khác của người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng.

Công ty bảo hiểm phải trả tiền bảo hiểm vào tài khoản của người thụ hưởng hợp đồng bảo hiểm, người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng được chỉ định. Đối với trường hợp người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng yêu cầu trả tiền bảo hiểm cho bên thứ ba không phải là người được bảo hiểm, người thụ hưởng, hoặc người thụ hưởng được chỉ định, công ty bảo hiểm phải xác nhận mối quan hệ giữa người được bảo hiểm và người nhận tiền thực tế, hoặc mối quan hệ giữa người thụ hưởng và người nhận tiền thực tế; Xác định và xác minh nhân thân của người nhận tiền thực tế; Đăng ký họ tên, tên gọi, phương thức liên lạc, chủng loại, số hiệu và thời hạn hiệu lực của cẩn cước công dân hoặc tài liệu chứng minh nhân thân khác và lưu trữ bản sao, bản chụp cẩn cước công dân có hiệu lực hoặc giấy tờ chứng minh nhân khác của người nhận tiền thanh toán bảo hiểm thực tế.

Điều 16. Công ty bảo hiểm phải xác định và xác minh nhân thân của người ủy thác, đồng thời đăng ký thông tin cơ bản về nhân thân của người ủy thác và lưu trữ bản sao hoặc bản chụp cẩn cước công dân hoặc tài liệu chứng minh nhân thân khác của người ủy thác khi ký kết hợp đồng quản lý tiền dưỡng lão với khách hàng; Khi thực hiện chi trả tiền cho khách hàng, nếu giá trị của mỗi giao dịch từ 50.000 NDT hoặc ngoại tệ có giá trị tương đương 10.000 USD trở lên, thì công ty bảo hiểm phải xác định và xác minh nhân thân của người thụ hưởng.

Điều 17. Tổ chức trung gian thanh toán phi ngân hàng phải thực hiện điều tra thông tin khách hàng, đồng thời đăng ký thông tin cơ bản về nhân thân của khách hàng và lưu trữ bản sao hoặc bản chụp cẩn cước công dân hoặc tài liệu chứng minh nhân thân khác của khách hàng khi thực hiện các nghiệp vụ dưới đây:

(1) Thiết lập quan hệ nghiệp vụ với khách hàng thông qua việc mở tài khoản thanh toán và bán thẻ trả trước có ghi tên hoặc thẻ trả trước không ghi tên có số dư 10.000 NDT trở lên;

(2) Cung cấp dịch vụ thanh toán cho khách hàng không mở tài khoản thanh toán tại TCTD thông qua phương thức ký hợp đồng có giá trị giao dịch lớn hơn 10.000 NDT hoặc ngoại tệ có giá trị tương đương 1.000 USD trở lên/1 giao dịch hoặc giá trị thanh toán hai chiều trong vòng 30 ngày từ 50.000 NDT trở lên hoặc ngoại tệ có giá trị tương đương 10.000 USD trở lên;

(3) Các trường hợp khác do Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc quy định.

Điều 18. Khi cung cấp dịch vụ thu tiền cho đơn vị bán hàng có ký hợp đồng cung cấp dịch vụ, các ngân hàng và tổ chức trung gian thanh toán phi ngân hàng phải thực hiện điều tra thông tin khách hàng đối với các đơn vị bán hàng nói trên, đồng

thời đăng ký thông tin cơ bản về nhân thân của người đại diện hoặc người chịu trách nhiệm của các đơn vị bán hàng nói trên, lưu trữ bản sao hoặc bản chụp cẩn cước công dân hoặc tài liệu chứng minh nhân thân khác của người đại diện hoặc người chịu trách nhiệm của các đơn vị bán hàng nói trên.

Điều 19. Khi công ty ủy thác thiết lập giao dịch ủy thác hoặc chuyển nhượng quyền lợi ủy thác cho khách hàng, công ty ủy thác phải xác định và xác minh nhân thân người ủy thác, tìm hiểu nguồn gốc của tài sản ủy thác, đăng ký thông tin cơ bản về nhân thân của người ủy thác, người thụ hưởng và lưu trữ bản sao, bản chụp cẩn cước công dân còn hiệu lực hoặc tài liệu chứng minh nhân thân khác của người ủy thác.

Điều 20. Trường hợp tiền của khách hàng là tiền ủy thác hoặc tài sản là tài sản ủy thác, khi thiết lập quan hệ nghiệp vụ với khách hàng hoặc cung cấp giao dịch một lần với số tiền lớn hơn mức quy định, TCTD phải xác định nhân thân của người ủy thác, người nhận ủy thác, người thụ hưởng và những thẻ nhân khác nắm quyền kiểm soát cuối cùng đối với tài sản ủy thác, đăng ký họ tên hoặc tên gọi và phương thức liên lạc của các đối tượng trên.

Điều 21. Khi thiết lập quan hệ nghiệp vụ với khách hàng là công ty quản lý tài sản bảo hiểm, công ty quản lý tài sản tài chính, công ty tài chính doanh nghiệp, công ty cho thuê tài chính, công ty tài chính ô tô, công ty tài chính tiêu dùng và công ty kinh doanh tiền tệ, công ty cấp tín dụng, công ty quản lý tài chính và các TCTD khác do NHND Trung Quốc quy định, TCTD phải xác định và xác minh nhân thân của khách hàng, đăng ký thông tin cơ bản về nhân thân khách hàng và thực hiện lưu trữ bản sao hoặc bản chụp cẩn cước công dân có hiệu lực hoặc tài liệu chứng minh nhân thân khách hàng khác. Trường hợp thực hiện các nghiệp vụ trên thông qua tổ chức khác, TCTD phải tuân thủ quy định tại Điều 39 của Biện pháp này.

Điều 22. Khi thực hiện điều tra thông tin khách hàng, đối với khách hàng là pháp nhân hoặc tổ chức không phải pháp nhân, TCTD phải xác định và xác minh nhân thân của khách hàng, hiểu rõ tính chất, quyền sở hữu, cơ cấu kiểm soát của tổ chức của khách hàng, phân loại và áp dụng biện pháp hợp lý để xác minh tất cả người thụ hưởng của khách hàng, đồng thời xác định 01 thẻ nhân hoặc nhiều thẻ nhân sở hữu hoặc thực tế nắm quyền kiểm soát pháp nhân hoặc tổ chức không phải pháp nhân theo các trường hợp dưới đây:

(1) Thẻ nhân sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 25% trở lên cổ phần hoặc quyền lợi góp vốn của pháp nhân hoặc tổ chức không phải pháp nhân;

(2) Thẻ nhân (cá nhân hoặc nhóm) nắm quyền kiểm soát thực tế đối với pháp nhân hoặc tổ chức không phải pháp nhân, bao gồm nhưng không giới hạn việc thực hiện quyền kiểm soát thông qua hình thức thỏa thuận bằng Hiệp định, quan hệ hợp đồng trong việc bổ nhiệm và bãi nhiệm HĐQT, cán bộ quản lý cấp cao, quyết định việc xây dựng hoặc thực hiện các quyết sách quản lý và kinh doanh quan trọng, quyết định thu chi tài chính, việc phân bổ và sử dụng các tài sản hoặc nguồn vốn quan trọng trong dài hạn;

(3) Thẻ nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nhận từ 25% trở lên quyền thu lợi của một pháp nhân hoặc một tổ chức không phải pháp nhân.

TCTD phải xem xét kết hợp cả ba trường hợp nêu trên để xác định và xác minh người thụ hưởng. Nếu đã xem xét cả 3 trường hợp trên và không thể xác định người

thu hưởng thì TCTD cần xác định cán bộ quản lý cấp cao của pháp nhân hoặc tổ chức không phải pháp nhân.

Điều 23. Nếu người thụ hưởng hợp đồng bảo hiểm nhân thọ là pháp nhân hoặc tổ chức không phải pháp nhân và có mức rủi ro, công ty bảo hiểm phải áp dụng các biện pháp điều tra khách hàng tăng cường khi thực hiện bồi thường hoặc chi trả bảo hiểm, xác định và thực hiện các biện pháp hợp lý để kiểm tra tính xác thực của tất cả người thụ hưởng của người thụ hưởng hợp đồng bảo hiểm.

Điều 24. TCTD phải thực hiện xác minh danh tính của khách hàng thông qua các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin có xuất xứ đáng tin cậy và độc lập, bao gồm một hoặc nhiều phương pháp sau:

- (1) Xác minh nhân thân khách hàng thông qua thông tin do cơ quan công an, cơ quan quản lý giám sát thị trường, cơ quan hành chính, cơ quan thuế, cơ quan quản lý cư trú hoặc các kênh thông tin công khai của Chính phủ;
- (2) Xác minh nhân thân khách hàng thông qua thông tin được công nhận chính thức như thông tin do các cơ quan chính phủ nước ngoài, các tổ chức quốc tế cung cấp;
- (3) Các tài liệu hoặc hồ sơ chứng minh nhân thân khách hàng khác do khách hàng cung cấp;
- (4) Các nguồn thông tin khác được Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc công nhận. Khi thực hiện nghĩa vụ điều tra thông tin khách hàng, cần phải thực hiện xác minh căn cước công dân có gắn chip của thẻ nhân theo quy định của pháp luật, quy định hành chính và quy định của các bộ ngành, TCTD phải thực hiện xác minh thông qua hệ thống xác minh thông tin công dân do Ngân hàng nhân dân Trung Quốc xây dựng.

Điều 25. Khi thiết lập quan hệ nghiệp vụ hoặc thực hiện giao dịch mang tính chất 1 lần, TCTD phải xác minh danh tính của khách hàng và tất cả người thụ hưởng. Trong trường hợp đã thực hiện quản lý hiệu quả rủi ro liên quan đến rửa tiền và tài trợ khủng bố, đối với các giao dịch thông thường không thể bị gián đoạn, TCTD có thể nhanh chóng hoàn thành việc thẩm định thông tin khách hàng và người thụ hưởng ngay sau khi hai bên thiết lập quan hệ nghiệp vụ. Trường hợp TCTD đã thực hiện giao dịch cho khách hàng trước khi hoàn thành việc thẩm định thông tin khách hàng và người thụ hưởng, thì TCTD phải áp dụng các biện pháp quản lý rủi ro tương thích.

Điều 26. TCTD phải áp dụng phương pháp hợp lý để xác nhận quan hệ ủy thác giữa khách hàng và tổ chức cung cấp dịch vụ đã được thiết lập. Khi thực hiện các biện pháp điều tra thông tin khách hàng đối với khách hàng ủy thác theo quy định của Biện pháp này, TCTD phải xác định và xác minh chứng minh nhân thân của người ủy thác, họ tên hoặc tên gọi, phương thức liên lạc, căn cước công dân còn hiệu lực hoặc chung loại, số hiệu của các tài liệu chứng minh nhân thân còn hiệu lực khác, đồng thời phải lưu giữ bản sao hoặc bản chụp căn cước công dân còn hiệu lực hoặc các tài liệu chứng minh nhân thân còn hiệu lực khác của người ủy thác.

Điều 27. Khi thiết lập quan hệ kinh doanh với khách hàng, TCTD phải căn cứ trên thông tin thu được từ việc điều tra thông tin khách hàng để kịp thời đánh giá mức độ rủi ro của khách hàng, xếp hạng mức độ rủi ro và xác định tần suất và phương thức kiểm tra định kỳ đối với thông tin khách hàng trong thời gian duy trì quan hệ nghiệp vụ với khách hàng. Đối với những khách hàng có mức xếp hạng rủi ro cao nhất về rửa tiền hoặc tài trợ khủng bố, TCTD phải thực hiện rà soát, đánh giá lại ít nhất 1 lần/năm.

TCTD phải tiếp tục theo dõi thay đổi về mức độ rủi ro, tình hình giao dịch và thông tin nhận dạng của khách hàng, đồng thời kịp thời điều chỉnh mức xếp hạng rủi ro về rửa tiền và tài trợ khủng bố của khách hàng.

Điều 28. Trong thời gian duy trì quan hệ nghiệp vụ với khách hàng, TCTD phải tiếp tục chú trọng và thực hiện kiểm tra nhân thân của khách hàng và các giao dịch, nếu xảy ra các trường hợp dưới đây, TCTD phải đổi chiểu với thông tin nhân thân khách hàng được lưu trữ tại TCTD, kịp thời cập nhật hoặc bổ sung cẩn cước công dân, thông tin nhân thân khách hàng hoặc các tài liệu khác để đảm bảo các dịch vụ và giao dịch TCTD cung cấp cho khách hàng phù hợp với đánh giá của TCTD đối với tình trạng nhân thân của khách hàng, yêu cầu nghiệp vụ, mức độ rủi ro, nguồn gốc và mục đích sử dụng tiền của khách hàng, cụ thể như sau:

- (1) Các hành vi của khách hàng hoặc giao dịch có bất thường hoặc mức độ rủi ro của khách hàng có thay đổi;
- (2) TCTD ngờ ngờ tính xác thực, hiệu lực, tính hoàn thiện của tài liệu về nhân thân của khách hàng đã thu thập được trước đây;
- (3) Khách hàng đề nghị thay đổi họ tên hoặc tên gọi, cẩn cước công dân hoặc chủng loại, số hiệu tài liệu chứng minh nhân thân, phạm vi kinh doanh, người đại diện theo pháp luật hoặc người thụ hưởng;
- (4) Khách hàng đề nghị thay đổi người mua bảo hiểm, người được bảo hiểm hoặc người thụ hưởng trong hợp đồng bảo hiểm;
- (5) Cẩn cước công dân hoặc tài liệu chứng minh nhân thân khách hàng đã đăng ký trước đây bị hết hạn hiệu lực;
- (6) Các trường hợp khác cần chú ý và thẩm tra liên quan đến tình trạng nhân thân khách hàng và tình hình giao dịch.

Khi cẩn cước công dân hoặc tài liệu chứng minh nhân thân khách hàng đã đăng ký trước đây bị hết hạn hiệu lực, sau khi TCTD hoàn thành các trình tự thông báo công khai theo quy định, nếu khách hàng chưa thực hiện cập nhật các thông tin trên trong thời gian nhất định và không thể cung cấp lý do hợp lý thì TCTD phải chấm dứt việc thực hiện nghiệp vụ cho khách hàng.

Điều 29. Khi TCTD thiết lập quan hệ nghiệp vụ với khách hàng hoặc trong thời gian duy trì quan hệ nghiệp vụ với khách hàng, cần cân nhắc tổng thể các yếu tố gồm đặc điểm của khách hàng, quan hệ nghiệp vụ, mục đích, tính chất giao dịch, nguồn gốc và mục đích sử dụng khoản tiền. Trường hợp có rủi ro tương đối cao về rửa tiền và tài trợ khủng bố, hoặc khách hàng có liên quan đến hành vi rửa tiền hoặc tài trợ khủng bố và các tội phạm liên quan do cơ quan tư pháp, hành pháp và giám sát điều tra và công bố, TCTD phải áp dụng các biện pháp điều tra thông tin khách hàng tăng cường theo mức độ rủi ro.

Điều 30. Đối với khách hàng có rủi ro cao về rửa tiền và tài trợ khủng bố, TCTD phải áp dụng 01 (một) hoặc nhiều biện pháp tăng cường về điều tra thông tin khách hàng phù hợp với mức độ rủi ro như dưới đây:

- (1) Thu thập thông tin liên quan đến mục đích và tính chất quan hệ nghiệp vụ, giao dịch, nguồn gốc và mục đích sử dụng khoản tiền chuyển. Khi cần thiết, cần yêu cầu khách hàng cung cấp hồ sơ chứng minh để thực hiện kiểm tra tính xác thực;
- (2) Tìm hiểu tình trạng kinh tế hoặc tình hình kinh doanh của khách hàng thông qua việc thăm viếng thực địa;

- (3) Tăng cường giám sát, đánh giá đối với khách hàng và giao dịch của khách hàng;
- (4) Tăng tần suất xác minh và cập nhật thông tin về khách hàng và người thụ hưởng liên quan;
- (5) Khi thiết lập, duy trì quan hệ nghiệp vụ với khách hàng hoặc thực hiện nghiệp vụ cho khách hàng, phải được lãnh đạo cấp cao của TCTD phê duyệt. Sau khi TCTD áp dụng biện pháp điều tra khách hàng tăng cường, nhận định rằng cần phải thực hiện kiểm soát rủi ro đối với rủi ro rửa tiền và tài trợ khủng bố của khách hàng thì phải thực hiện hạn chế hợp lý về phương thức, quy mô và tần suất giao dịch của khách hàng. Trường hợp nhận định mức độ rủi ro về rửa tiền và tài trợ khủng bố của khách hàng vượt quá năng lực quản lý rủi ro của TCTD thì TCTD phải từ chối giao dịch với khách hàng hoặc chấm dứt quan hệ nghiệp vụ đã thiết lập với khách hàng đó.

Điều 31. TCTD tham khảo các thông tin dưới đây, kết hợp các đặc điểm của khách hàng, tính chất và mục đích quan hệ nghiệp vụ hoặc giao dịch để thực hiện đánh giá rủi ro và khi có đủ lý do để phán đoán mức độ rủi ro về rửa tiền và tài trợ khủng bố của một khách hàng, quan hệ nghiệp vụ hoặc giao dịch nào đó ở mức thấp, thì có thể thực hiện các biện pháp điều tra khách hàng được đơn giản hóa tương ứng với mức độ rủi ro được xác định, cụ thể gồm:

(1) Báo cáo đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền;

(2) Các quy định, hướng dẫn về chống rửa tiền và tài trợ khủng bố và văn bản cảnh báo về rủi ro, báo cáo phân tích các hình thức rửa tiền và báo cáo đánh giá rủi ro do Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc ban hành;

(3) Các luật và quy định hành chính khác có quy định liên quan.

Khi áp dụng biện pháp điều tra khách hàng đơn giản hóa, TCTD ít nhất phải xác minh danh tính của khách hàng, đăng ký họ tên, tên gọi, thông tin liên hệ, căn cước công dân hoặc thông tin về chủng loại, số hiệu và thời hạn hiệu lực của các tài liệu chứng minh nhân thân hợp lệ khác của khách hàng, lưu trữ các hồ sơ thông tin khách hàng được quy định là cần thiết trong quá trình điều tra khách hàng. Đối với khách hàng, quan hệ nghiệp vụ hoặc giao dịch đã áp dụng biện pháp điều tra khách hàng đơn giản hóa, TCTD phải định kỳ rà soát mức độ rủi ro của các đối tượng nói trên và thực hiện điều chỉnh phạm vi cung cấp dịch vụ và loại hình nghiệp vụ cung cấp theo điều chỉnh về mức độ rủi ro;

Trường hợp khách hàng, quan hệ nghiệp vụ hoặc giao dịch bị nghi ngờ liên quan đến hoạt động rửa tiền và tài trợ khủng bố hoặc có rủi ro cao, TCTD không được phép áp dụng các biện pháp điều tra khách hàng đơn giản hóa.

Điều 32. Nếu TCTD không thể hoàn thành các biện pháp điều tra thông tin khách hàng được quy định tại Biện pháp này đối với khách hàng, TCTD phải từ chối thiết lập quan hệ nghiệp vụ, thực hiện các biện pháp hạn chế cần thiết hoặc từ chối thực hiện các giao dịch, hoặc chấm dứt quan hệ nghiệp vụ đã thiết lập với khách hàng đó và gửi báo cáo giao dịch đáng ngờ dựa trên mức độ rủi ro.

Điều 33. Nếu khách hàng bị nghi ngờ có liên quan đến rửa tiền hoặc tài trợ khủng bố và việc tiến hành điều tra thông tin khách hàng sẽ dẫn đến việc thông tin sự việc bị tiết lộ thì TCTD có thể không tiến hành điều tra thông tin khách hàng mà phải gửi báo cáo giao dịch đáng ngờ.

Phần 2 Các quy định khác

Điều 34. Khi TCTD thiết lập quan hệ đại lý hoặc quan hệ nghiệp vụ tương tự với TCTD nước ngoài, hoặc nhận ủy thác cung cấp sản phẩm chứng khoán, hợp đồng kỳ hạn cho khách hàng nước ngoài/tổ chức kinh tế nước ngoài, TCTD phải nắm rõ mức độ rủi ro liên quan đến rửa tiền và tài trợ khủng bố của quốc gia hoặc khu vực tổ chức kinh tế nước ngoài đặt trụ sở, đồng thời thu thập đầy đủ thông tin về tính chất kinh doanh, uy tín, chất lượng kiểm soát nội bộ, chấp nhận giám sát và điều tra của tổ chức kinh tế nước ngoài, đánh giá tình hình nếu tổ chức kinh tế nước ngoài bị giám sát và điều tra về rửa tiền và tài trợ khủng bố, cũng như đánh giá tính hợp lý và hiệu quả của các biện pháp chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố, đồng thời làm rõ trách nhiệm của TCTD và tổ chức nước ngoài trong việc điều tra thông tin khách hàng, lưu trữ tài liệu chứng minh nhân thân của khách hàng và hồ sơ giao dịch với khách hàng.

Khi TCTD thiết lập quan hệ đại lý hoặc quan hệ nghiệp vụ tương tự với TCTD nước ngoài, hoặc nhận ủy thác cung cấp sản phẩm chứng khoán, hợp đồng kỳ hạn cho khách hàng nước ngoài/tổ chức kinh tế nước ngoài, TCTD phải được sự phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc ban quản lý cấp cao chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị. TCTD không được thiết lập quan hệ đại lý hoặc quan hệ nghiệp vụ tương tự với ngân hàng “ngân hàng hình thức”, đồng thời đảm bảo ngân hàng đại lý không mở tài khoản cho “ngân hàng hình thức” { Ngân hàng hình thức là ngân hàng có đặc điểm sau: (i) không hoạt động tại trụ sở theo giấy phép hoạt động được cơ quan có thẩm quyền cấp; (ii) Không thuê 01 hoặc nhiều nhân viên làm việc toàn thời gian làm việc tại trụ sở theo giấy phép hoạt động được cơ quan có thẩm quyền cấp; (iii) không thấy thông tin về hoạt động kinh doanh của ngân hàng tại trụ sở theo giấy phép hoạt động được cơ quan có thẩm quyền cấp; và (iv) không tiếp nhận sự giám sát của cơ quan cấp phép hoạt động cho ngân hàng đó}.

TCTD phải tiếp tục theo dõi và kiểm tra tình hình tiếp nhận việc giám sát liên quan đến công tác phòng chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố, cũng như mức độ rủi ro về rửa tiền và tài trợ khủng bố của các quốc gia hoặc khu vực nơi tổ chức nước ngoài đặt trụ sở, xếp hạng mức độ rủi ro của tổ chức nước ngoài và thực hiện quản lý theo mức xếp hạng rủi ro.

Điều 35. TCTD phải thực hiện các biện pháp hợp lý để xác định liệu khách hàng và tất cả người thụ hưởng liên quan có phải là thành viên quan trọng của Chính phủ nước ngoài, cán bộ quản lý cấp cao của tổ chức quốc tế và người có quan hệ đặc biệt với hai đối tượng nêu trên. Nếu khách hàng hoặc tất cả người thụ hưởng liên quan thuộc vào các đối tượng nêu trên, TCTD phải thực hiện các biện pháp quản lý rủi ro để tìm hiểu nguồn gốc và mục đích sử dụng của nguồn tiền hoặc tài sản của khách hàng và tất cả người thụ hưởng liên quan. Việc thiết lập và duy trì quan hệ nghiệp vụ với các đối tượng khách hàng này còn cần phải được sự phê duyệt của lãnh đạo quản lý cấp cao của TCTD và phải thực hiện các biện pháp giám sát liên tục nâng cao đối với các đối tượng khách hàng này và các giao dịch với các đối tượng khách hàng này. Nếu người thụ hưởng hợp đồng bảo hiểm nhân thọ hoặc chủ sở hữu của đối tượng thụ hưởng của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ là thành viên quan trọng của Chính phủ nước ngoài, cán bộ quản lý cấp cao của tổ chức quốc tế và người có quan hệ đặc biệt với hai đối tượng nêu trên, khi thực hiện bồi thường hoặc thanh toán phí bảo hiểm, công ty bảo hiểm phải được sự phê duyệt của lãnh đạo cấp cao của công ty, và phải thực hiện

các biện pháp kiểm tra nâng cao đối với người mua bảo hiểm và hợp đồng bảo hiểm đó.

Điều 36. Khi TCTD và các tổ chức kinh doanh dịch vụ chuyển tiền cung cấp dịch vụ chuyển tiền ra nước ngoài cho khách hàng, phải đăng ký họ tên hoặc tên gọi, số tài khoản, địa chỉ của người chuyển tiền và họ tên hoặc tên gọi, số tài khoản người thụ hưởng, phải lưu trữ các thông tin nói trên trên chứng từ chuyển tiền hoặc hệ thống thông tin liên quan và cung cấp cho tổ chức nhận tiền ở nước ngoài họ tên hoặc tên gọi, số tài khoản, địa chỉ của người chuyển tiền. Nếu người chuyển tiền chưa có tài khoản tại TCTD đó, TCTD không thể đăng ký thông tin tài khoản của người chuyển tiền thì có thể đăng ký và cung cấp các thông tin liên quan khác cho tổ chức nhận tiền ở nước ngoài để đảm bảo giao dịch chuyển tiền có thể theo dõi, đối chiếu. TCTD và tổ chức kinh doanh dịch vụ chuyển tiền khi chuyển tiền ra nước ngoài cho khách hàng với hạn mức từ 5.000 NDT hoặc 1.000 USD trở lên/1 giao dịch, phải thực hiện tra soát nhân thân người chuyển tiền để đảm bảo tính chính xác về thông tin người chuyển tiền.

Trường hợp nghi ngờ khách hàng liên quan đến hoạt động rửa tiền hoặc tài trợ khủng bố, bất kể quy mô của khoản tiền chuyển đi, TCTD đều phải áp dụng các biện pháp hợp lý để xác minh nhân thân người chuyển tiền. Khi TCTD đóng vai trò trung gian cung cấp dịch vụ chuyển tiền xuyên biên giới, TCTD phải gửi đầy đủ thông tin về người chuyển tiền và người nhận tiền, thực hiện các biện pháp hợp lý để xác minh đảm bảo có đầy đủ thông tin cần thiết về người chuyển tiền và người nhận tiền. Đồng thời, TCTD phải xác định rõ hướng xử lý giao dịch chuyển tiền (thực hiện, từ chối hoặc tạm dừng) và các biện pháp xử lý tiếp theo tùy theo mức độ rủi ro của giao dịch.

TCTD nhận kiều hối từ nước ngoài chuyển về, phát hiện thiếu thông tin về họ tên, tên gọi, số tài khoản, địa chỉ của người chuyển tiền thì phải yêu cầu tổ chức chuyển tiền ở nước ngoài bổ sung. Nếu người chuyển tiền chưa có tài khoản tại tổ chức nước ngoài thực hiện giao dịch chuyển tiền, TCTD trong nước tiếp nhận khoản chuyển tiền không thể đăng ký thông tin tài khoản của người chuyển tiền, thì tổ chức đó có thể đăng ký các thông tin liên quan khác để đảm bảo việc theo dõi và xác minh giao dịch chuyển tiền.

Điều 37. Khi TCTD và các tổ chức kinh doanh nghiệp vụ chuyển tiền cung cấp dịch vụ chuyển tiền trong nước cho khách hàng, phải thực hiện theo yêu cầu của khoản 1 và 2 Điều 36 của Biện pháp này. Nếu tổ chức chuyển tiền không thể kịp thời cung cấp thông tin về người chuyển tiền cho tổ chức nhận khoản tiền chuyển, tổ chức đó ít nhất phải cung cấp số tài khoản của người chuyển tiền hoặc thông tin khác có thể đảm bảo rằng giao dịch có thể được theo dõi và xác thực và khi tổ chức nhận khoản tiền chuyển hoặc các cơ quan quản lý yêu cầu, có thể cung cấp thông tin người chuyển tiền cho các đơn vị này. TCTD và các tổ chức kinh doanh nghiệp vụ chuyển tiền thực hiện nghiệp vụ chuyển tiền thông qua chi nhánh, công ty con hoặc tổ chức đại lý của tổ chức đó ở trong và ngoài nước thì phải đảm bảo chi nhánh, công ty con hoặc tổ chức đại lý của tổ chức đó tuân thủ các quy định liên quan về chuyển tiền.

Điều 38. Khi TCTD sử dụng Internet và phương tiện thông tin di động cung cấp dịch vụ tài chính thông qua việc thiết lập quan hệ nghiệp vụ với khách hàng không cần gặp mặt trực tiếp phù hợp với quy định của pháp luật, thì TCTD phải xây dựng cơ chế nhận biết khách hàng hiệu quả, thực hiện xác minh thông tin khách hàng thông qua các biện pháp hiệu quả, nhằm xác nhận tính xác thực của danh tính khách hàng và tính hợp lý của các giao dịch.

Điều 39. Nếu TCTD thực hiện điều tra thông tin khách hàng theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 5 của Điều 7 của Biện pháp này thông qua bên thứ ba, thì phải đáp ứng các yêu cầu dưới đây và chịu trách nhiệm nếu không tuân thủ trách nhiệm về nghĩa vụ điều tra thông tin khách hàng quy định tại Biện pháp quản lý điều tra thông tin khách hàng và lưu trữ tài liệu chứng minh nhân thân khách hàng và hồ sơ giao dịch của TCTD:

(1) Bên thứ ba có thể tiếp nhận việc bị quản lý hoặc giám sát để phục vụ công tác phòng chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố;

(2) Đánh giá hồ sơ rủi ro và khả năng thực hiện các nghĩa vụ về chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố của bên thứ ba, đồng thời đảm bảo rằng bên thứ ba tuân thủ các luật và quy định về chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố và tuân thủ các quy định của Biện pháp này trong quá trình điều tra thông tin khách hàng, lưu trữ tài liệu chứng minh nhân thân và hồ sơ giao dịch của khách hàng; Nếu bên thứ ba có rủi ro cao về rửa tiền và tài trợ khủng bố hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ về chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố, TCTD không được thực hiện việc nhận biết thông tin khách hàng thông qua bên thứ ba;

(3) TCTD có thể thu nhận ngay lập tức thông tin cần thiết về khách hàng từ bên thứ ba;

(4) Khi cần thiết, TCTD có thể nhận được ngay bản sao hoặc bản chụp căn cước công dân hoặc tài liệu chứng minh nhân thân khác và các tài liệu khác mà bên thứ ba có được khi thực hiện điều tra thông tin khách hàng.

Bên thứ ba phải nghiêm túc thực hiện các nghĩa vụ điều tra thông tin khách hàng đúng theo quy định của pháp luật và thỏa thuận tại hợp đồng, đồng thời cung cấp cho TCTD thông tin nhận dạng khách hàng cần thiết; Nếu có nghi ngờ về tính xác thực, tính chính xác hoặc tính đầy đủ về thông tin nhân thân khách hàng hoặc nghi ngờ khách hàng liên quan đến hoạt động rửa tiền hoặc tài trợ khủng bố, bên thứ ba phải phối hợp với TCTD để thực hiện điều tra thông tin khách hàng. Trường hợp bên thứ ba không hợp tác với TCTD thực hiện các nghĩa vụ về điều tra thông tin khách hàng thì phải chịu trách nhiệm tương ứng. Nếu TCTD thực hiện nhận biết khách hàng thông qua bên thứ ba không phải là TCTD, thì tổ chức đó phải đáp ứng các yêu cầu từ Điểm 2 đến Điểm 4.

Điều 40. Các TCTD phải hợp tác với nhau trong việc thực hiện điều tra thông tin khách hàng.

Điều 41. TCTD phải xây dựng cơ chế làm việc đầy đủ, kịp thời tiếp nhận danh sách tổ chức và cá nhân nghi ngờ liên quan đến hoạt động khủng bố và danh sách nghi ngờ rửa tiền và các tội phạm liên quan khác mà NHND Trung Quốc đề nghị cần chú ý. Khi có lý do hợp lý để nghi ngờ khách hàng hoặc đối tác giao dịch của khách hàng và tiền hoặc tài sản khác của khách hàng hoặc đối tác giao dịch của khách hàng có liên quan đến danh sách nghi ngờ, TCTD phải áp dụng các biện pháp điều tra thông tin và quản lý rủi ro tương ứng. Trường hợp pháp luật, quy định hành chính có quy định khác thì áp dụng theo các quy định đó.

Danh sách tội phạm có liên quan. Nếu có cơ sở hợp lý để nghi ngờ rằng khách hàng hoặc đối tác của khách hàng, cũng như các khoản tiền hoặc tài sản khác của khách hàng hoặc đối tác của khách hàng có liên quan đến danh sách, thì sự thẩm định tương ứng sẽ được thực hiện điều tra và các biện pháp quản lý rủi ro. Trong trường

hợp luật pháp, quy định hành chính và quy tắc có quy định khác, các quy định đó sẽ được ưu tiên áp dụng.

Điều 42. TCTD phải xây dựng cơ chế làm việc đầy đủ, kịp thời tiếp nhận danh sách về các quốc gia/khu vực có nguy cơ cao về rửa tiền và tài trợ khủng bố và các quốc gia/khu vực cần tăng cường giám sát do Tổ chức chống rửa tiền quốc tế và các cơ quan liên quan của Trung Quốc ban hành. Đối với khách hàng từ các quốc gia hoặc khu vực thuộc danh sách tăng cường giám sát, TCTD phải thực hiện các biện pháp điều tra khách hàng tăng cường và các biện pháp quản lý rủi ro cần thiết căn cứ theo tính chất quan hệ nghiệp vụ và mức độ rủi ro của giao dịch. Đối với khách hàng đến từ các quốc gia hoặc khu vực được tăng cường giám sát, khi thực hiện điều tra thông tin khách hàng và xếp hạng mức độ rủi ro của khách hàng về rửa tiền và tài trợ khủng bố, TCTD phải cân nhắc cả mức độ rủi ro về rửa tiền và tài trợ khủng bố của quốc gia/khu vực của khách hàng đó.

Nếu một tổ chức tài chính tiến hành thẩm định khách hàng thông qua một bên thứ ba ở nước ngoài, tổ chức tài chính đó sẽ xem xét đầy đủ tình trạng rủi ro của quốc gia hoặc khu vực nơi bên thứ ba đặt trụ sở và sẽ không tiến hành điều tra thẩm định khách hàng từ các quốc gia hoặc khu vực có rủi ro cao. Không được thực hiện điều tra thông tin khách hàng thông qua bên thứ ba đến từ quốc gia/khu vực có nguy cơ cao về rửa tiền và tài trợ khủng bố.

Điều 43. Khi tiến hành điều tra thông tin khách hàng, căn cứ theo mức độ rủi ro, TCTD phải báo cáo Trung tâm Giám sát và Phân tích Chống rửa tiền Trung Quốc và chi nhánh địa phương của Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc các hành vi nghi ngờ dưới đây:

(1) Khách hàng từ chối cung cấp căn cước công dân hoặc các giấy tờ chứng minh nhân thân hợp lệ khác;

(2) Có lý do rõ ràng để nghi ngờ rằng mục đích và bản chất của quan hệ nghiệp vụ mà khách hàng đề nghị xây dựng với TCTD có liên quan đến các hoạt động bất hợp pháp như rửa tiền và tài trợ khủng bố;

(3) Sau khi yêu cầu tổ chức ở nước ngoài đề nghị chuyển tiền đến Trung Quốc nhưng TCTD không nhận được thông tin đầy đủ liên quan đến họ tên hoặc tên gọi, số tài khoản và địa chỉ cư trú của người chuyển tiền;

(4) Sau khi thực hiện các biện pháp cần thiết mà vẫn nghi ngờ tính xác thực, hợp lệ và đầy đủ của thông tin nhận dạng khách hàng đã thu thập được;

(5) Trường hợp phát hiện các thông tin nghi ngờ khác trong quá trình thực hiện điều tra thông tin khách hàng, TCTD báo cáo các thông tin đáng ngờ nêu trên theo quy định có liên quan của Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc về việc báo cáo các giao dịch có giá trị lớn và các giao dịch đáng ngờ của của TCTD.

Chương 3

Lưu trữ thông tin nhận dạng khách hàng và hồ sơ giao dịch

Điều 44. Các tài liệu nhận dạng khách hàng mà TCTD phải lưu trữ bao gồm: hồ sơ về thông tin nhân thân của khách hàng và các tài liệu và hồ sơ chứng minh việc TCTD đã thực hiện việc điều tra khách hàng. Hồ sơ giao dịch mà TCTD cần lưu trữ bao gồm: thông tin dữ liệu về từng giao dịch, chứng từ nghiệp vụ, sổ sách kế toán và

hợp đồng, chứng từ nghiệp vụ, hóa đơn, thư từ trao đổi nghiệp vụ và các tài liệu khác phản ánh nội dung thực tế của giao dịch theo các quy định liên quan.

Điều 45. TCTD phải thực hiện các biện pháp quản lý và biện pháp kỹ thuật cần thiết để từng bước thực hiện việc lưu trữ thông tin nhận dạng khách hàng và hồ sơ giao dịch, bảo mật thông tin kinh doanh và thông tin cá nhân theo quy định, phòng ngừa việc mất mát, hư hỏng thông tin lưu trữ về nhận dạng khách hàng và hồ sơ giao dịch, đồng thời phòng ngừa việc rò rỉ thông tin nhận dạng khách hàng và thông tin giao dịch.

Phương pháp bảo quản và cơ chế quản lý thông tin nhận dạng khách hàng của tổ chức tài chính và hồ sơ giao dịch phải đảm bảo rằng mỗi giao dịch có thể được sao chép và truy xuất nguồn gốc, để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chống rửa tiền của các tổ chức tài chính, và Điều tra và giám sát chống rửa tiền.

Điều 46. TCTD phải lưu giữ thông tin nhận dạng khách hàng và hồ sơ giao dịch theo các thời hạn dưới đây:

(1) Thông tin nhận dạng khách hàng sẽ được lưu giữ ít nhất 5 năm kể từ khi TCTD chấm dứt quan hệ nghiệp vụ với khách hàng đó hoặc khi kết thúc giao dịch mang tính chất một lần;

(2) Hồ sơ giao dịch sẽ được lưu giữ ít nhất 5 năm sau khi kết thúc giao dịch. Nếu thông tin nhận dạng của khách hàng và hồ sơ giao dịch liên quan đến các giao dịch đáng ngờ đang bị điều tra liên quan đến hành vi rửa tiền và thời hạn lưu trữ tối thiểu để phục vụ cuộc điều tra liên quan chống rửa tiền chưa kết thúc theo quy định tại các điều khoản ở trên, TCTD phải lưu giữ thông tin nhận dạng khách hàng và hồ sơ giao dịch liên quan cho đến khi kết thúc cuộc điều tra chống rửa tiền.

Nếu một phương tiện lưu trữ thông tin có chứa thông tin nhận dạng khách hàng hoặc hồ sơ giao dịch có thời hạn lưu trữ khác nhau thì áp dụng thời hạn lưu trữ dài nhất. Cùng một thông tin nhận dạng khách hàng hoặc hồ sơ giao dịch được lưu trữ tại các phương tiện lưu trữ thông tin khác nhau thì phải yêu cầu lưu trữ thông tin nhận dạng khách hàng hoặc hồ sơ giao dịch ít nhất trên 01 phương tiện lưu trữ thông tin theo kỳ hạn quy định ở trên. Trong trường hợp bảo toàn chất lượng, thông tin nhận dạng khách hàng hoặc hồ sơ giao dịch của ít nhất một phương tiện sẽ được bảo quản theo thời hạn nêu trên. Trường hợp pháp luật và quy định hành chính có yêu cầu thời gian lưu trữ thông tin nhận dạng khách hàng và hồ sơ giao dịch dài hơn thì các quy định đó sẽ được ưu tiên áp dụng.

Điều 47. Khi TCTD bị phá sản hoặc giải thể, TCTD đó phải bàn giao hồ sơ về thông tin nhận dạng khách hàng, hồ sơ giao dịch và các phương tiện lưu trữ các thông tin nói trên cho Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc, Ủy ban Quản lý Ngân hàng và Bảo hiểm Trung Quốc hoặc tổ chức được Ủy ban Quản lý Chứng khoán Trung Quốc chỉ định.

Chương IV

Trách nhiệm pháp lý

Điều 48. TCTD vi phạm quy định tại Biện pháp này sẽ bị Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc xử phạt theo quy định tại Điều 31 và 32 của Luật Chống rửa tiền của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa; Tùy theo từng trường hợp, sẽ thực hiện hoặc đề nghị Ủy ban Quản lý Ngân hàng và Bảo hiểm Trung Quốc và Ủy ban Quản lý Chứng khoán Trung Quốc thực hiện các biện pháp sau:

(1) Yêu cầu TCTD tạm dừng kinh doanh để chấn chỉnh hoặc thu hồi giấy phép kinh doanh của TCTD;

(2) Hủy bỏ tư cách đảm nhiệm chức vụ đối với người phụ trách trực tiếp tại HĐQT, Ban Điều hành và những nhân viên chịu trách nhiệm trực tiếp khác của TCTD và cấm tham gia các công việc liên quan đến ngành tài chính. Nếu chi nhánh Huyện (Thành phố) của Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc phát hiện TCTD vi phạm Biện pháp này, chi nhánh đó cần báo cáo lên chi nhánh cấp trên phụ trách chi nhánh Huyện (Thành phố) để chi nhánh cấp trên thực hiện xử phạt hoặc đưa ra các khuyến nghị phù hợp với các quy định ở trên.

Chương V

Các điều khoản bổ sung

Điều 49. Nghĩa vụ điều tra nhận dạng khách hàng đối với Công ty bảo hiểm khi thực hiện nghiệp vụ tái bảo hiểm không áp dụng theo quy định của Biện pháp này.

Điều 50. Nội hàm của các thuật ngữ liên quan của Biện pháp này như sau:

Thông tin nhân thân cơ bản đối với khách hàng thể nhân bao gồm tên, giới tính, quốc tịch, nghề nghiệp, địa chỉ nơi cư trú hoặc đơn vị làm việc, thông tin liên hệ, loại, số hiệu và thời hạn hiệu lực của căn cước công dân hoặc hồ sơ chứng minh nhân thân khác. Trường hợp địa chỉ nơi cư trú của khách hàng không trùng khớp với địa chỉ nơi ở thường xuyên thì ghi địa chỉ lưu trú thường xuyên của khách hàng.

Thông tin nhận dạng cơ bản đối với pháp nhân, tổ chức không phải là pháp nhân và hộ kinh doanh cá thể bao gồm: tên, trụ sở, phạm vi kinh doanh, tên gọi, số hiệu và thời hạn hiệu lực của giấy phép, giấy chứng nhận hoặc văn bản chứng minh việc khách hàng được thành lập hợp pháp hoặc được phép thực hiện các hoạt động kinh doanh và xã hội theo quy định của pháp luật; Tên, căn cước công dân hoặc tài liệu chứng minh nhân thân khác của người đại diện theo pháp luật hoặc người phụ trách và nhân viên được ủy quyền giao dịch với TCTD; Tên, địa chỉ, chủng loại, số hiệu và thời hạn hiệu lực của tài liệu chứng minh nhân thân của tất cả người thụ hưởng.

Điều 51. Biện pháp này sẽ do Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc, Ủy ban Quản lý Ngân hàng và Bảo hiểm Trung Quốc và Ủy ban Quản lý Chứng khoán Trung Quốc hướng dẫn. Đối với khách hàng mà TCTD đã thiết lập quan hệ nghiệp vụ hoặc thực hiện giao dịch trước khi Biện pháp này có hiệu lực và chưa đáp ứng các yêu cầu về điều tra thông tin khách hàng quy định tại Biện pháp này, kể từ ngày Biện pháp này có hiệu lực, trong vòng một năm, TCTD phải hoàn thành việc điều tra thông tin khách hàng đối với khách hàng được đánh giá có mức độ rủi ro từ tương đối cao trở lên; trong vòng 2 năm, phải hoàn thành việc điều tra thông tin khách hàng đối với tất cả các khách hàng còn lại.

Điều 52. Biện pháp này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 3 năm 2022. Đồng thời "Biện pháp điều tra khách hàng và lưu giữ thông tin nhận dạng khách hàng và hồ sơ giao dịch khách hàng của TCTD" (theo Chỉ thị số 2/2007 do Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc, Ủy ban Quản lý Ngân hàng Trung Quốc và Ủy ban Quản lý Chứng khoán Trung Quốc ban hành) sẽ bị bãi bỏ.

Trường hợp có sự không thống nhất giữa Biện pháp này với các quy định khác về điều tra và lưu giữ thông tin khách hàng, lưu giữ hồ sơ giao dịch khách hàng của TCTD thì áp dụng quy định tại Biện pháp.